

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **153/2020/HC-PT**

Ngày: 10 - 9 -2020

V/v: “ *Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai* ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Vũ Thanh Liêm

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Tấn Long

Ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thanh Thủy**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 106/2020/TLPT-HC ngày 13 tháng 01 năm 2020, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2019/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1431/2020/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Trương Quang T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Đội 9, thôn B, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Bùi Phú T – Luật sư Công ty Luật TNHH P – Chi nhánh Quảng Ngãi thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Đại chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Có đơn xin hoãn phiên tòa.

*** Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân thành phố Q.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phước H - Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân thành phố Q; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố Q và Chủ tịch UBND thành phố Q: Ông Nguyễn Anh K - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q. Địa chỉ:, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Q. Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T - PGĐ Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Q; Có mặt.

- Ủy ban nhân dân phường T. Địa chỉ: Phường T, thành phố Q.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Thanh T - Chủ tịch UBND phường T; Có mặt.

- Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư N tại Quảng Ngãi. Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1968. Địa chỉ: Đội 9, thôn B, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Đ. Địa chỉ: Đội 9, thôn B, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ: Ông Phạm Lý H, Luật sư, Văn phòng luật sư P, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

*** Người kháng cáo:** Ông Trương Quang T - là người khởi kiện; bà Nguyễn Thị Đ – là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện Trương Quang T trình bày:

Ngày 15-12-2016, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 11767/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của vợ ông Trương Quang T và vợ là bà Nguyễn Thị S đang sử dụng, thuộc phường T, thành phố Q để xây dựng dự án Khu dân cư S - Quảng Ngãi, diện tích thu hồi là 5.504m², trong đó 2.656m² đất ở đô thị và 2.848m² đất nông nghiệp thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ trích đo số 6, thuộc tờ bản đồ địa chính phường T, thành phố Q.

Ông Trương Quang T đồng ý Quyết định số 11767/QĐ-UBND ngày 15- 12- 2016 của UBND thành phố Q nên không có ý kiến gì.

Ngày 15-12-2016, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 11786/QĐ-UBND v/v bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trương Quang T, vợ bà Nguyễn

Thị S kèm theo bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ, trong đó tổng giá trị được bồi thường, hỗ trợ là 1.732.555.683 đồng và 09 lô đất tái định cư.

Ngày 20-6-2018 Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 3494/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trương Quang T, thường trú tại Tổ dân phố Trường Thọ Đông B, phường T, thành phố Q để thực hiện dự án Khu dân cư S - Quảng Ngãi.

Ngày 14-9-2018 UBND thành phố Q ban hành Công văn số 5510/UBND về việc đính chính sai sót trong Bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định số 11786/QĐ-UBND ngày 15-12-2016 của UBND thành phố Q.

Ngày 18-9-2018 ông Trương Quang T đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là 1.732.555.683 đồng và 09 lô đất tái định cư.

Ông T cho rằng số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là 1.732.555.683 đồng và 09 lô đất tái định cư là đối với phần diện tích 2.656m² đất ở nên ông không yêu cầu phần này.

Thửa đất số 48, phường T, diện tích 5.504m², đo vẽ năm 2008 là tổng diện tích 02 thửa gồm thửa 112, diện tích 2.480m² và thửa 848, diện tích 2.656m². Tuy nhiên, tổng diện tích thửa 112 và 848 là 5.136m². Sự chênh lệch diện tích như trên là tự nhiên.

Đối với Thửa đất 112: UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T ngày 08-5-2006, số vào sổ 04828 tại thửa đất số 112, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.480m².

Đối với thửa đất 848: Theo sổ mục kê ruộng đất thì Thửa đất số 848, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.656m², loại ruộng đất T, trang số 36, quyển số 02, chủ sử dụng ghi tên Nguyễn Thị Đ; Theo sổ đăng ký ruộng đất thì Thửa đất số 848, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.656m², loại ruộng đất: T, trang 36, quyển số 1, số thứ tự 140, do bà Nguyễn Thị Đ đứng tên kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/CT-TTg.

Do đó, phần diện tích 2.848m² đất nông nghiệp nằm trong thửa đất 48, tờ bản đồ số 9, nhưng UBND thành phố Q không bồi thường cho ông theo điểm a khoản 1 Điều 30 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 05-3-2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, tức là chưa giải quyết 15% của diện tích 2.848m² trong cùng thửa đất có nhà ở bị thu hồi là gây thiệt hại về tinh thần và vật chất cho gia đình ông.

Vì vậy, ông đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 11786/QĐ-UBND ngày 15-12-2016 của UBND thành phố Q về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trương Quang T, vợ bà Nguyễn Thị S; hủy Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 20-6-2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trương Quang T; hủy Công văn số 5510/UBND ngày 14-9-2018 của UBND thành phố Q về việc đính chính sai sót trong Bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định số 11786/QĐ-UBND ngày 15-12-2016 của UBND thành phố Quảng Ngãi.

UBND thành phố Q, Chủ tịch UBND thành phố Q và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố Q và Chủ tịch UBND thành phố Q trình bày:

Hộ ông Trương Quang T sử dụng thửa đất số 48, tờ bản đồ số 06, phường T, diện tích 5.504m^2 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đo vẽ năm 2008, diện tích đất thu hồi để đầu tư xây dựng dự án Khu dân cư S là 5.504m^2 . Thửa đất này được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ) cho ông Trương Quang T ngày 08-5-2006, thửa đất số 112, tờ bản đồ số 09, thị trấn S, diện tích 2.480m^2 (trong đó 300m^2 đất ở; 2.180m^2 , loại HNK). Phần diện tích đất tăng so với Giấy CNQSDĐ đã cấp 3.024m^2 , ông Trương Quang T có đơn giải trình diện tích đất tăng 3.024m^2 được UBND phường T xác nhận là do ông Trương Quang T cải tạo, khai hoang đồi núi để sử dụng.

Về nguồn gốc sử dụng đất của ông Trương Quang T: Nguyên thửa đất do ông bà tạo lập trước năm 1945, sau đó lưu lại cho cha mẹ ông Trương Quang T là ông Trương Quang Hường và bà Nguyễn Thị Đ sử dụng. Đến năm 1984 để lại cho ông Trương Quang T sử dụng và được UBND huyện S cấp Giấy CNQSDĐ cho ông vào ngày 08-5-2006, thửa đất số 112, tờ bản đồ số 09, diện tích đất 2.480m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở; 2.180m^2 , loại HNK).

Phần diện tích đất tăng 3.024m^2 so với Giấy CNQSDĐ đã cấp được UBND phường T xác nhận là do ông Trương Quang T cải tạo, khai hoang đồi núi để sử dụng.

Về thông tin địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi chi nhánh thành phố Q cung cấp:

- Đối chiếu bản đồ đo vẽ năm 1996: Thửa đất số 112, tờ bản đồ số 09 tương ứng qua bản đồ năm 1983 là thửa đất số 848, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.656m^2 , loại đất T thuộc xã T.

- Đối chiếu sổ mục kê: Thửa đất số 848, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.656m^2 . LRĐ (loại ruộng đất): T, trang 36, quyền số 02, chủ sử dụng đất ghi tên Nguyễn Thị Đ.

- Đối chiếu sổ đăng ký ruộng đất (mẫu sổ 5b): Thửa đất số 848, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.656m^2 , LRĐ (loại ruộng đất): T, trang 36, quyền số 01, số thứ tự 140, do bà Nguyễn Thị Đ đứng tên kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/CT-TTG (bà Đ là mẹ ông T).

Trên cơ sở pháp lý nêu trên, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố (nay là Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Q) xác lập bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trương Quang T với diện tích đất 2.656m^2 , loại đất ở tại đô thị (bằng với diện tích đăng ký theo Chỉ thị 299/CT-TTG) và 2.848m^2 loại đất nông nghiệp (theo kết quả xác nhận của UBND phường Trương Quang trọng là đất do ông Trương Quang T cải tạo, khai hoang đồi núi để sử dụng). Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 11773/QĐ-UBND ngày 15-12-2016; đồng thời ban hành Quyết định số 11786/QĐ-UBND ngày 15-12-2016 bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trương Quang T,

vợ là bà Nguyễn Thị S, do sai sót nên UBND thành phố ban hành Công văn số 5510/UBND ngày 14-9-2018 đính chính trong Bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (kèm theo Quyết định số 11786/QĐ-UBND) với số tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.732.555.683 đồng, số lô đất tái định cư 09 lô vị trí tại Khu dân cư S, phường T, thành phố Q.

Ông Trương Quang T không thống nhất giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án được duyệt, phát sinh đơn khiếu nại với nội dung: “Yêu cầu tính phân phối tái định cư đối với phần diện tích đất 2.848m² đất nông nghiệp nằm trong cùng thửa với phần diện tích đất ở là 2.656m². Vì vậy, phần diện tích đất nông nghiệp 2.848m² phải được giao thêm đất tái định cư bằng 15% phần diện tích này, cụ thể: $2.848\text{m}^2 \times 15\% = 427,2\text{m}^2 > 50\text{m}^2$, phải được giao thêm 04 lô đất tái định cư theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 30 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 05-3-2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thì mới đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của gia đình chúng tôi”. Đơn khiếu nại của ông Trương Quang T đã được đơn vị thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ trả lời tại Văn bản số 157/TT ngày 06-7-2018, theo đó xác định: Đối với phần diện tích đất nông nghiệp 2.848m² do ông Trương Quang T khai hoang, đã được UBND phường T xác nhận nên Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố lập phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp là đúng quy định. Việc ông T yêu cầu phân phối tái định cư theo tỷ lệ 15% cho phần diện tích đất này là không có cơ sở giải quyết; vì phần diện tích này là đất ông T khai hoang không nằm trong cùng thửa đất có nhà ở.

Qua rà soát, nội dung ông Trương Quang T yêu cầu tính phân phối tỷ lệ 15% đất tái định cư đối với phần diện tích 2.848m² đất nông nghiệp khai hoang là không có cơ sở xem xét giải quyết. Quá trình vận động, giải thích Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được duyệt đối với hộ gia đình ông T là đảm bảo đúng các quy định pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, ông Trương Quang T vẫn không thống nhất, không chấp hành. UBND thành phố đã thực hiện đầy đủ quy trình, thủ tục theo quy định đề ban hành Quyết định 3494/QĐ-UBND ngày 20-6-2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối ông Trương Quang T để thực hiện dự án Khu dân cư S. Sau khi quyết định cưỡng chế được ban hành nhưng chưa tổ chức thực hiện thì ngày 18-9-2018 ông Trương Quang T đã thống nhất nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, nhận đất tái định cư (09 lô). Từ những cơ sở trên, việc UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 11786/QĐ-UBND ngày 15-6-2016 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trương Quang T, bà Nguyễn Thị S; Công văn số 5510/UBND ngày 14-9-2018 của UBND thành phố Q về việc đính chính sai sót trong Bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định số 11786/QĐ-UBND ngày 15-12-2016 của UBND thành phố Q; Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 20-6-2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trương Quang T để thực hiện dự án: Khu dân cư S - Quảng Ngãi là đảm bảo quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Q trình bày:

Hộ ông Trương Quang T hiện đang sử dụng thửa đất số 48, tờ bản đồ trích đo số 06, phường T, diện tích 5.504m², đo vẽ năm 2008, diện tích đất thu hồi để xây dựng dự án: Khu dân cư S - Quảng Ngãi là 5.504m². Thửa đất này đã được UBND huyện S cấp Giấy CNQSDĐ, thửa đất số 112, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.480m². Trong đó, đất ở đô thị 300m², cây hàng năm khác 2.180m², đứng tên ông Trương Quang T. Hộ ông Trương Quang T được UBND thành phố ban hành Quyết định số 11767/QĐ-UBND ngày 15-12-2016 về việc thu hồi đất của hộ ông Trương Quang T và Quyết định số 11786/QĐ-UBND ngày 15-12-2016 bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trương Quang T với tổng giá trị được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là 1.732.555.683 đồng và 09 lô đất tái định cư.

Sau khi phương án được phê duyệt, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh thành phố phối hợp với Chủ đầu tư, UBND phường T, các đơn vị liên quan tổ chức mời các hộ dân công khai phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt, đồng thời tiến hành chi trả tiền bồi thường theo quy định, nhưng ông T không thống nhất nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và nhận đất tái định cư và có ý kiến: Diện tích đất thu hồi của gia đình ông lớn nhưng giao cho gia đình ông 9 lô đất tái định cư gia đình ông chưa thống nhất và đề nghị tính tỷ lệ phân phối 15% đối với toàn bộ phần diện tích đất nông nghiệp cho gia đình ông. Về nội dung yêu cầu của ông T, tại buổi họp trung tâm và các thành phần dự họp đã giải thích, phân tích theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được UBND thành phố phê duyệt là đúng với quy định pháp luật, ông đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ, nhận đất tái định cư và đã xây dựng nhà ở. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư N tại Quảng Ngãi trình bày:

Giống nội dung trình bày của Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Q.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà thống nhất với đơn khởi kiện và văn bản trình bày ý kiến của ông Trương Quang T.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 848 là do cha mẹ chồng bà là ông Trương Quang Hội và bà Phạm Thị Lệ để lại cho vợ chồng bà. Năm 1984, chồng bà ông Trương Quang Hùng chết. Sau đó bà đứng tên kê khai như sau:

- Đối với thửa đất 848:

+ Theo sổ mục kê ruộng đất: Thửa đất số 848, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.656m², loại ruộng đất: T, trang số 36, quyển số 02, chủ sử dụng ghi tên Nguyễn Thị Đ.

+ Theo sổ đăng ký ruộng đất: Thửa đất số 848, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.656m², loại ruộng đất: T, trang 36, quyển số 1, số thứ tự 140, do bà Nguyễn Thị Đ đứng tên kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/CT-TTg.

Thửa đất 848 bà chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến nay bà vẫn chưa chia thừa kế cho ai.

Thửa đất 112 (của Trương Quang T) và thửa đất 848 là hai thửa đất riêng biệt, không trùng nhau.

Năm 2008, thửa đất 848 và thửa đất 112 (của Trương Quang T) được đo vẽ thành thửa đất số 48, diện tích 5.504m².

Việc Nhà nước bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là 1.732.555.683 đồng và 09 lô đất tái định cư là chưa chính xác.

Vì vậy, bà đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 11786/QĐ-UBND ngày 15-12-2016 của UBND thành phố Q; hủy Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 20-6-2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q; hủy Công văn số 5510/UBND ngày 14-9-2018 của UBND thành phố Q.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2019/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 71 Luật đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang T về việc yêu cầu:

1. Hủy Quyết định số 11786/QĐ-UBND ngày 15-12-2016 của UBND thành phố Q về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông: Trương Quang T, vợ: Nguyễn Thị S - Tổ dân phố Trường Thọ Đông B, phường T, thành phố Q dự án: Khu dân cư S - Quảng Ngãi.

2. Hủy Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 20-6-2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trương Quang T, thường trú tại Tổ dân phố Trường Thọ Đông B, phường T, thành phố Q để thực hiện dự án: Khu dân cư S - Quảng Ngãi.

3. Hủy Công văn số 5510/UBND ngày 14-9-2018 của UBND thành phố Q về việc đính chính sai sót trong Bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định số 11786/QĐ-UBND ngày 15-12-2016 của UBND thành phố Q.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/12/2019, người khởi kiện ông Trương Quang T có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2019/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo hướng:

- Hủy Quyết định số 11786/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND thành phố

Q.

- Hủy Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q.

- Hủy Công văn số 5510/UBND ngày 14/9/2018 của UBND thành phố Q về việc đính chính sai sót trong Bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định số 11786/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND thành phố Q.

Ngày 09/12/2019, bà Nguyễn Thị Đ là người có quyền lợi, nghĩa liên quan có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2019/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi với lý do: Đất là do cha mẹ chồng của bà để lại, bà Đ đăng ký kê khai, chưa có văn bản cho vợ chồng ông T, nhưng UBND huyện S cấp đất cho vợ chồng ông T là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Trương Quang T giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ tại đơn xin xét xử vắng mặt không thể hiện việc rút yêu cầu kháng cáo. Người bị kiện UBND thành phố Q và Chủ tịch UBND thành phố Q do ông Trần Phước Hải đại diện theo ủy quyền tại đơn xin xét xử vắng mặt không thể hiện việc rút các quyết định của UBND và Chủ tịch UBND thành phố Q, còn người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện giữ nguyên Quyết định số 11786/QĐ-UBND ngày 15/12/2016, Công văn số 5510/UBND ngày 14/9/2018 của UBND thành phố Q và Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q. Ông Trương Quang T cho rằng: Thửa đất số 48, diện tích 5.504m², nhưng UBND thành phố Q chỉ bồi thường 2.656m² đất ở bằng 9 lô đất (mỗi lô 100m²) còn lại 2.848m² bồi thường đất nông nghiệp, đất khai hoang là không đúng mà phải bồi thường 15% đất ở tương ứng với 4 lô đất ở mới đúng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không khách quan, không đúng pháp luật, gây thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định và công văn nói trên của UBND và Chủ tịch UBND thành phố Q. Tại đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ cho rằng: Thửa đất số 848, diện tích 2.656m² là của cha mẹ chồng của bà Đ để lại, bà Đ kê khai đăng ký ruộng đất, bà Đ chưa có văn bản nào cho vợ chồng ông Trương Quang T, bà Nguyễn Thị S, nhưng UBND huyện S cấp đất cho vợ chồng ông Trương Quang T là không đúng nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì bản án đó không đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trương Quang T và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về phần thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo, tại phiên tòa hôm nay bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Người bị kiện UBND và Chủ tịch UBND thành phố Q do ông Trần Phước Hải đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có đơn xin hoãn phiên tòa. Nhưng xét, đây là phiên tòa phúc thẩm lần thứ 3, lần thứ nhất người khởi kiện xin hoãn phiên tòa, lần thứ hai do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện xin hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện tiếp tục xin hoãn phiên tòa, người khởi kiện ông Trương Quang T đồng ý tiếp tục xét xử. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 4 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

2. Về phần nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện ông Trương Quang T thì thấy: Theo sổ mục kê và sổ đăng ký ruộng đất năm 1986 thì thửa đất số 848, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.656m^2 , loại ruộng đất T do bà Nguyễn Thị Đ đứng tên kê khai. Theo bà Đ thì nguồn gốc thửa đất do ông bà tạo lập trước năm 1945, sau đó lưu lại cho vợ chồng ông Trương Quang Hùng và bà Nguyễn Thị Đ sử dụng. Theo bản đồ 299 thì thửa đất số 848, tờ bản đồ số 20, diện tích 2.656m^2 loại đất T tương ứng qua bản đồ đo vẽ năm 1996 là thửa đất số 112, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.480m^2 .

Ông Trương Quang T là con của bà Nguyễn Thị Đ kê khai và được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD942252 ngày 08/5/2006, thửa đất số 112, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.480m^2 , trong đó 300m^2 đất ở và 2.180m^2 đất trồng cây hàng năm khác.

Năm 2008, thực hiện dự án Khu dân cư S - Quảng Ngãi, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất do vẽ thành thửa đất số 48, tờ bản đồ trích đo 06 thuộc tờ bản đồ địa chính số 9, phường T, thành phố Q, diện tích 5.504m^2 . Diện tích đất tăng so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông Trương Quang T là 3.024m^2 . Ngày 02/10/2014, ông T đã có đơn xin giải trình diện tích đất tăng và được UBND phường T xác nhận là do ông T khai hoang, cải tạo. Thực tế phần diện tích 3.024m^2 thuộc một phần thửa đất số 156, diện tích 33.140m^2 loại đất núi, bản đồ đo vẽ năm 1996. Do đó, việc ông T cho rằng thửa đất số 48, diện tích 5.504m^2 , phường T đo vẽ vào năm 2008 là tổng diện tích thửa đất số 112 và thửa đất số 848 là không có cơ sở.

Ngày 15/12/2016, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 11767/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Trương Quang T và vợ bà Nguyễn Thị S để xây dựng dự án khu dân cư S - Quảng Ngãi, diện tích đất thu hồi là 5.504m^2 , trong đó 2.656m^2 đất ở đô thị và 2.848m^2 đất nông nghiệp, thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ trích đo số 6 thuộc tờ bản đồ địa chính số 9, phường T, thành phố Q.

Ngày 15/12/2016, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 11786/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trương Quang T và vợ bà

Nguyễn Thị S, kèm theo Bảng kê chi tiết giá trị bồi thường hỗ trợ. Trong đó tổng giá trị được bồi thường hỗ trợ và tái định cư là 1.732.555.683đ và 09 lô đất tái định cư.

Do ông T không chấp hành các quyết định trên nên ngày 20/6/2018 Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 3494/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trương Quang T.

Ngày 14/9/2018, UBND thành phố Q ban hành Công văn số 5510/UBND đính chính sai sót trong Bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, kèm theo Quyết định số 11786/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND thành phố Q. Trong Bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã có bồi thường đất nông nghiệp là 113.920.000đ

Sau khi có quyết định cưỡng chế thì ngày 18/9/2018, ông T và bà S có đơn xin nhận tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư và cam kết bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án Khu dân cư S - Quảng Ngãi. Cùng ngày 18/9/2018 ông T có Bản tự nguyện xin nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nhận đất tái định cư và Bản cam kết bàn giao mặt bằng; ông T đã nhận 1.732.555.683đ và 09 lô đất tái định cư mỗi lô 100m².

Như vậy, mặc dù tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trương Quang T được cấp với diện tích 2.480m², trong đó 300m² đất ở, nhưng UBND thành phố Q căn cứ vào sổ mục kê, sổ đăng ký ruộng đất và bản đồ đo vẽ năm 1996 để bồi thường hỗ trợ cho ông T 2.656m² loại đất ở đô thị là có lợi cho ông T, còn 2.848m² đất ông T bà S được bồi thường đất nông nghiệp là hoàn toàn có cơ sở. Bản án sơ thẩm tuyên bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Trương Quang T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND thành phố Q, Công văn số 5510/UBND ngày 14/9/2018 của UBND thành phố Q và Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ cho rằng bà không cho đất ông T, bà S. Nhưng xét, đây là vụ án hành chính ông T kiện các quyết định nói trên, còn việc bà Đ có tranh chấp thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trương Quang T và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ cũng như quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trương Quang T và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng xét, bà Nguyễn Thị Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trương Quang T và kháng cáo của

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Bác nội dung khởi kiện của ông Trương Quang T về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 11786/QĐ-UBND ngày 15-12-2016 của UBND thành phố Q về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trương Quang T, vợ Nguyễn Thị S - Tổ dân phố Trường Thọ Đông B, phường T, thành phố Q dự án: Khu dân cư S - Quảng Ngãi.

- Hủy Quyết định số 3494/QĐ-UBND ngày 20-6-2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trương Quang T, thường trú tại Tổ dân phố Trường Thọ Đông B, phường T, thành phố Q để thực hiện dự án: Khu dân cư S - Quảng Ngãi để thực hiện dự án Khu dân cư S – Quảng Ngãi.

- Hủy Công văn số 5510/UBND ngày 14-9-2018 của UBND thành phố Q về việc đính chính sai sót trong Bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo Quyết định số 11786/QĐ-UBND ngày 15-12-2016 của UBND thành phố Q.

2. Về án phí: Ông Trương Quang T phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ 600.000đ ông T đã nộp tại các biên lai thu tiền số 0002113 ngày 13/5/2019 và số 0004791 ngày 16/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.\.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm